TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61/2019/QĐST-HNGĐ	*V X, ngày 23 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa: Chị **Nguyễn Thị Mỹ T**- Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hvà anh **Nguyễn Văn Q**- Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn Nà T, xã P, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị Mỹ T** - Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hvà anh **Nguyễn Văn Q** - Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn Nà T, xã P, huyện V, tỉnh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Q thỏa thuận nhất trí để chị Nguyễn Thị Mỹ Tchịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 02331 nộp ngày 06/5/2019 (do anh Nguyễn Văn Q nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 150.000 đồng chênh lệch tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã P, huyện V, tỉnh H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Anh Luyện